

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN,
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 57/2025/DS-ST
Ngày 21 – 3 – 2025
V/v tranh chấp Hui và Hợp đồng
mua bán.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đoàn Thị Sim.

Ông Nguyễn Ngọc Sơn.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 520/2024/TLST - DS ngày 24 tháng 10 năm 2024, về việc “Tranh chấp Hui và Hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 439/2024/QĐXXST - DS ngày 05 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lữ Thị Nh, sinh năm: 1973 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Vàm Đình, xã Phú Thuận, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Võ Phan Rg, sinh năm: 1966 (Vắng mặt).

Bà Trương Thị L, sinh năm: 1967 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp Vàm Đình, xã Phú Thuận, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/10/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa nguyên đơn bà Lữ Thị Nh trình bày:

Bà có tổ chức chơi hui do bà làm chủ hui, ông Võ Phan Rg, bà Trương Thị L là hui viên tham gia chơi hui cụ thể như sau:

Dây hui thứ nhất: Khai ngày 25/01/2021 âm lịch, loại hui 2.000.000 đồng, mỗi tháng khai 01 lần vào ngày 25 hàng tháng, gồm 43 chung, tiền huê hồng hui là 1.200.000 đồng. Ông Rg, bà L tham gia 03 chung, theo thứ tự trong danh sách hui là 08, 09, 10. Quá trình chơi hui ông Rg, bà L đã hót hết 03 chung vào các ngày 25/6/2021, ngày 25/4/2022, ngày 25/10/2022 âm lịch. Bà đã chung đủ tiền

hụi cho ông Rg, bà L. Quá trình chơi hụi ông Rg, bà L đóng hụi đến hết tháng 01 năm 2023 thì ngưng cho đến nay. Đối với dây hụi này ông Rg, bà L còn nợ bà 21 kỳ hụi chết chưa đóng.

Dây hụi thứ hai: Khai ngày 20/10/2021 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai 01 lần vào ngày 20 hàng tháng, gồm 37 chung, tiền huê hồng hụi là 600.000 đồng. Ông Rg, bà L tham gia 02 chung, theo thứ tự trong danh sách hụi là 19, 20. Quá trình chơi hụi ông Rg, bà L đã hốt hết 02 chung vào các ngày 20/8/2022 và ngày 20/10/2022 âm lịch. Bà đã chung đủ tiền hụi cho ông Rg, bà L. Quá trình chơi hụi ông Rg, bà L đóng hụi đến hết tháng 01 năm 2023 thì ngưng cho đến nay. Đối với dây hụi này ông Rg, bà L còn nợ bà 21 kỳ hụi chết chưa đóng.

Dây hụi thứ ba: Khai ngày 10/02/2022 âm lịch, loại hụi 2.000.000 đồng, mỗi tháng khai 01 lần vào ngày 10 hàng tháng, gồm 33 chung, tiền huê hồng hụi là 1.200.000 đồng. Ông Rg, bà L tham gia 01 chung, theo thứ tự trong danh sách hụi là 32. Quá trình chơi hụi ông Rg, bà L đã hốt hụi vào ngày 10/7/2022. Bà đã chung đủ tiền hụi cho ông Rg, bà L. Quá trình chơi hụi ông Rg, bà L đóng hụi đến hết tháng 01 năm 2023 thì ngưng cho đến nay. Đối với dây hụi này ông Rg, bà L còn nợ bà 21 kỳ hụi chết chưa đóng.

Hiện các dây hụi đến nay đã mãn. Do vợ chồng ông Rg, bà L không đóng hụi cho bà trong khoản thời gian dài nên bà đã khởi kiện ông Rg, bà L đến Tòa án và được Tòa án huyện Phú Tân giải quyết bằng Bản án số 168/2024/DS-ST ngày 12/8/2024 buộc bà Trương Thị L và ông Võ Phan Rg có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng) của 14 kỳ hụi của ba dây hụi. Còn lại 07 kỳ hụi của ba dây hụi cụ thể như sau:

Dây thứ nhất: $07 \text{ kỳ} \times 2.000.000 \text{ đồng} \times 03 \text{ chung} = 42.000.000 \text{ đồng}$ (Bốn mươi hai triệu đồng).

Dây thứ hai: $07 \text{ kỳ} \times 1.000.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ chung} = 14.000.000 \text{ đồng}$ (Mười bốn triệu đồng).

Dây thứ ba: $07 \text{ kỳ} \times 2.000.000 \text{ đồng} \times 01 \text{ chung} = 14.000.000 \text{ đồng}$ Mười bốn triệu đồng).

Vào ngày 09/01/2024 vợ chồng ông Rang, bà Lệ còn nợ bà tiền hụi cũ tổng số tiền là 8.380.000 đồng (Tám triệu, ba trăm tám mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, vợ, chồng ông Rg, bà L còn nợ bà tiền mua hàng tạp hóa số tiền là 1.800.000 đồng (Một triệu, tám trăm nghìn đồng).

Tổng cộng tiền hụi, tiền tạp hóa ông Rg, bà L còn nợ bà số tiền là 80.180.000 đồng (Tám mươi triệu, một trăm tám mươi nghìn đồng).

Nay bà yêu cầu ông Võ Phan Rg và bà Trương Thị L trả cho bà tổng số tiền là 80.180.000 đồng (Tám mươi triệu, một trăm tám mươi nghìn đồng).

Tại phiên tòa bà Nhanh yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng ông Võ Phan Rg, bà Trương Thị L phải thanh toán cho bà số tiền hụi của 03 dây hụi, 07 kỳ hụi chết là 70.00.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).

Bà xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện: Đối với các yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Rg, bà L thanh toán cho bà tiền hụi cũ tổng số tiền là 8.380.000 đồng

(Tám triệu, ba trăm tám mươi nghìn đồng) và tiền mua hàng tạp hóa số tiền là 1.800.000 đồng (Một triệu, tám trăm nghìn đồng), ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trương Thị L trình bày: Trước đây bà có chơi hụi do bà Nhanh làm chủ, mỗi tháng bà phải đóng hụi cho bà Nhanh 10.000.000 đồng, bà xác định bà còn nợ số tiền 140.000.000 đồng theo bản án số 168/2024/DS-ST ngày 12/8/2024 và nợ tiền vay 84.000.000 đồng, ngoài ra bà không còn nợ bà Nhanh các khoản tiền nào khác.

Đối với biên nhận nợ tiền vay, tiền hụi ngày 31/01/2023 bà không biết và chữ ký, chữ viết trong biên nhận nợ không phải của vợ, chồng bà.

Đối với biên nhận nợ ngày 09/01/2024 bà không biết và chữ ký, chữ viết trong biên nhận nợ không phải của vợ, chồng bà.

Đối với biên nhận nợ ngày 10/11/2023 bà không biết và chữ ký, chữ viết trong biên nhận nợ không phải của chồng bà.

Đối với giấy tính tiền hụi không đề ngày tháng năm bà không biết và chữ ký, chữ viết trong biên nhận nợ không phải của chồng bà.

Đối với ông Võ Phan Rg trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định phân công thẩm phán, thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập nhiều lần cho ông Võ Phan Rg đầy đủ, đúng theo quy định pháp luật nhưng ông Rg vẫn vắng mặt không rõ lý do và không có văn bản thể hiện ý kiến, cũng không có đơn phản tố gửi cho Tòa án, không gửi văn bản ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa nguyên đơn và các bị đơn được xác định là tranh chấp hụi, tranh chấp Hợp đồng mua bán. Ông Võ Phan Rg, bà Trương Thị L là bị đơn, có nơi cư trú tại ấp Vàm Đình, xã Phú Thuận, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ông Võ Phan Rg, bà Trương Thị L đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thủ tục tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Rg, bà L theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa nguyên rút lại một phần yêu cầu khởi kiện: Về việc buộc các bị đơn thanh toán cho nguyên đơn tiền hụi cũ tổng số tiền là 8.380.000 đồng (Tám triệu, ba trăm tám mươi nghìn đồng) và tiền mua hàng tạp hóa số tiền là 1.800.000 đồng (Một triệu, tám trăm nghìn đồng). Hội đồng xét xử xét thấy việc nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là quyền tự định đoạt của nguyên đơn nên chấp nhận. Đình chỉ các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc: Yêu cầu Tòa án buộc các bị đơn thanh toán cho nguyên đơn tiền hụi cũ tổng số tiền là

8.380.000 đồng (Tám triệu, ba trăm tám mươi nghìn đồng) và tiền mua hàng tạp hóa số tiền là 1.800.000 đồng (Một triệu, tám trăm nghìn đồng). Khi nào các đương sự có phát sinh tranh chấp bà Nhanh sẽ khởi kiện ông Rg, bà L thành vụ kiện khác.

[4] Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu các bị đơn thanh toán số tiền hội còn thiếu tổng cộng là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).

[5] Về nội dung tranh chấp của vụ án: Nguyên đơn xác định các bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền hội là 70.000.000 đồng, đây là tổng số tiền hội của các chung hội trong 03 dây hội do bị đơn là chủ hội.

Xét yêu cầu của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy: Việc thỏa thuận tổ chức chơi hội giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung giao dịch không trái pháp luật. Khi vợ chồng ông Rang, bà Lệ thỏa thuận với bà Nhanh người tổ chức chơi hội cùng nhau góp vốn có lập danh sách hội viên tuy không đăng ký, không được chứng thực của cơ quan có thẩm quyền nhưng việc các đương sự chơi hội đã được thể hiện tại Bản án số 168/2024/DS-ST ngày 12/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân đã có hiệu lực pháp luật nên nguyên đơn không cần phải chứng minh.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trương Thị L không thừa nhận việc thiếu tiền nợ hội của nguyên đơn nhưng bị đơn bà Lệ không cung cấp chứng cứ, chứng minh. Đối với ông Võ Phan Rg quá trình Tòa án giải quyết vụ án ông Rang không đến Tòa án cũng không gửi ý kiến đề bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, không cung cấp chứng cứ, chứng minh. Chính vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ mà nguyên đơn và bị đơn bà Trương Thị L cung cấp để giải quyết vụ án hoàn toàn phù hợp.

Với phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng cần buộc các bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền hội là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) là phù hợp.

[6] Trong số tiền hội nguyên đơn yêu cầu có phần lãi hội. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn không đặt ra yêu cầu điều chỉnh nên Hội đồng xét xử không xem xét việc điều chỉnh.

[7] Về thời gian và phương thức thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu các bị đơn thanh toán một lần hết số tiền nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy, việc thanh toán thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên không đề cập xem xét trong vụ án này.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nguyên đơn không phải chịu, bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 21, khoản 2 Điều 22, Điều 24, Điều 25 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, họ, hiệu, phường.

Căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 12, điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Lữ Thị Nh.

Buộc vợ chồng ông Võ Phan Rg, bà Trương Thị L thanh toán cho bà Lữ Thị Nh số tiền hui là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bà Lữ Thị Nh có đơn yêu cầu thi hành án, ông Võ Phan Rg, bà Trương Thị L không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Đình chỉ các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc: Yêu cầu Tòa án buộc các bị đơn thanh toán cho nguyên đơn tiền hụi cũ tổng số tiền là 8.380.000 đồng (Tám triệu, ba trăm tám mươi nghìn đồng) và tiền mua hàng tạp hóa số tiền là 1.800.000 đồng (Một triệu, tám trăm nghìn đồng). Khi nào các đương sự có phát sinh tranh chấp bà Nhanh sẽ khởi kiện ông Rang, bà Lẹ thành vụ kiện khác.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Phan Rg, bà Trương Thị L phải chịu số tiền 3.500.000 đồng (Ba triệu, năm trăm nghìn đồng, chưa nộp).

Bà Lữ Thị Nh không phải chịu án phí. Ngày 23/10/2024, bà Lữ Thị Nh đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 2.005.000 đồng (Hai triệu, không trăm lẻ năm nghìn đồng) theo biên lai số 0003964 được nhận lại toàn bộ khi bản án có hiệu lực.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Nh có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Rg, bà L vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Lê Thúy Dung